TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 27/2019/HN-ST
Ngày 04/7/2019
Về việc: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính.
Các Hội thẩm nhân dân:
1 Bà Trần Thị Thu Thảo.
2.Ông Nguyễn Văn Phúc.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Minh Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 54/2019/TLST – HN ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp "xin ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐST – HN ngày 17/6/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1989, địa chỉ: ấp 3, xã TL 1, huyện TP, tỉnh TG.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh N**, sinh năm 1986, địa chỉ: ấp 3, xã TL 1, huyện TP, tỉnh TG, đang chấp hành án tại trại giam PH, thuộc Cục C26 - Bộ Công An tọa lạc trên địa bàn xã PH, huyện TP, tỉnh TG.

(Tại phiên tòa có mặt chị L, anh N xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Minh N chung sống với nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã TL 1, huyện TP, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình hai bên không hợp nhau nên thường xuyên cải nhau, đến tháng 12/2011, anh N phạm tội giết người bị Tòa án xử mức án chung thân nên vợ chồng không còn điều kiện hàn gắn tình cảm.

Về con chung: Tôi và anh N có một con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 12/7/2007, cháu T do tôi trực tiếp nuôi dưỡng từ khi tôi và anh N ly thân đến nay.

Về tài sản chung: Tôi và anh N không có tài sản chung.

Về nợ chung: Tôi và anh N không có nợ chung ai.

Yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh N.

Về con chung: Tôi yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, tôi không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Nguyễn Minh N trình bày: Tôi và chị Lê Thị L chung sống năm 2007, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoản thời gian, đến tháng 12/2011, tôi phạm tội giết người và bị Tòa xử mức án chung thân nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tôi và chị L có một con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 12/7/2007, cháu do chị L trực tiếp nuôi dưỡng từ khi tôi và chị L ly thân đến nay; tôi và chị L không có tài sản chung và cũng không có nợ chung ai. Nay, chị L xin ly hôn với tôi, tôi đồng ý, tôi tự nguyện để chị L nuôi con chung, tôi xin không cấp dưỡng.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Lê Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh N căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình xác định đây là tranh chấp "xin ly hôn".

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét bị đơn anh Nguyễn Minh N đang chấp hành án tại trại giam PH, thuộc Cục C26 - Bộ Công An tọa lạc trên địa bàn xã PH, huyện TP, tỉnh TG. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh TG.

[3] Về tố tụng: Anh Nguyễn Minh N là bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh N.

[4] Xét nội dung yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị L:

[4.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị L xin ly hôn với anh Nguyễn Minh N vì sau khi kết hôn đến đầu năm 2011, vợ chồng thường xuyên cải nhau do không hợp tính tình, đến tháng 12/2011 anh N phạm tội giết người bị Tòa xử mức án chung thân dẫn đến vợ chồng ly thân không có điều kiện hàn gắn tình cảm. Xét giữa chị L và anh N trong

cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do anh vợ chồng không hợp tính tình. Mâu thuẫn chưa được hai bên tìm cách giải quyết thì anh N phạm tội giết người bị Tòa xử mức án chung thân làm cho điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể thực hiện, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, chị L xin ly hôn được anh N đồng ý. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Chị L xin được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 12/7/2007 vì cháu do chị trực tiếp nuôi dưỡng từ khi chị và anh N ly thân đến nay và yêu cầu này cũng được anh N đồng ý. Xét thỏa thuận giữa chị L và anh N là hoàn toàn tự nguyện phù hợp điều kiện thực tế của chị L và anh N, với nguyện vọng của cháu T là muốn được chung sống với chị L khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận để chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Ghi nhận việc chị L không cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của cháu T chị L hoặc anh N có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh N khai không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Anh N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẻ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị L đối với anh Nguyễn Minh N

1.1 Về hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Minh N.

1.2 Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 12/7/2007 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của cháu T chị L hoặc anh N có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

2. Về án phí:

2.1 Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 19719 ngày 28/3/2019 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. Vậy chị L đã nộp xong án phí.

2.2 Anh Nguyễn Minh N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về kháng cáo:

3.1 Chị Lê Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

3.2 Anh Nguyễn Minh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 10 giờ 05 phút cùng ngày.

Nơi nhận:
- Tóa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước;
- THADS huyện Tân Phước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Tính